

CÔNG TY CỔ PHẦN HSG TOÀN CẦU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HSG TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HSG GLOBAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108688409

3. Ngày thành lập: 05/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn 3, Xã Yên Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ uống	4633
2.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
3.	Xây dựng công trình điện	4221
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
5.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
6.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
7.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
9.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
10.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
11.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
12.	Xây dựng nhà ở	4101
13.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
14.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
15.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

16.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Kiểm định xây dựng Giám sát thi công xây dựng công trình Kiểm định xây dựng Lập quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. ; Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.. Tư vấn đấu thầu; Tư vấn giám sát	7110
17.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
18.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
19.	Phá dỡ	4311
20.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
21.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
22.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
23.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521

24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
25.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
26.	Quảng cáo	7310
27.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
28.	Cho thuê xe có động cơ	7710
29.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
30.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
31.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
32.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
33.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
34.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
35.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
36.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
37.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
38.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
39.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
40.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
41.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chẻ biên Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
42.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
43.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
44.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
45.	Xây dựng nhà không để ở	4102
46.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
47.	Bán buôn thực phẩm	4632

48.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
49.	Lập trình máy vi tính	6201
50.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
51.	Sao chép bản ghi các loại	1820
52.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
53.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
54.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
55.	Xây dựng công trình thủy	4291
56.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
57.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
58.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
59.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
60.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
61.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
62.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
63.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa	4610
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
66.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
67.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
68.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

69.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
70.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
71.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
72.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
73.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
75.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
76.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
77.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
78.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
79.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622(Chính)
80.	In ấn	1811
81.	Sửa chữa thiết bị khác	3319

6. Vốn điều lệ: 2.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 260.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN HỒNG SƠN	Thôn 1, Xã Yên Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	78.000	780.000.000	30,000	017249959	
			Tổng số	78.000	780.000.000	30,000		
2	NGUYỄN HỒNG HẢI	Thôn 3, Xã Yên Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	104.000	1.040.000.000	40,000	0010690153 71	
			Tổng số	104.000	1.040.000.000	40,000		
3	NGUYỄN THỊ HUỆ	Thôn 1, Xã Yên Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	78.000	780.000.000	30,000	0011750149 20	
			Tổng số	78.000	780.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

Thời gian đăng từ ngày 05/04/2019 đến ngày 05/05/2019

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	--	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỒNG HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/09/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001069015371

Ngày cấp: 11/09/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, Xã Yên Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn 1, Xã Yên Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội